

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI  
Bản án số: 01/2024/HS-ST  
Ngày 05-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Kha

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Hòa và Bà Bùi Thị Cẩm

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Xuân Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 30/10/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 1683/2023/HSST-QĐ ngày 12/12/2023 đối với bị cáo:

**Phạm Văn N, sinh ngày 01/01/1994 tại tỉnh Quảng Ngãi**

Nơi cư trú: **thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn G**, sinh năm 1970 và bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa xử lý hình sự và hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an thị xã Đ**, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo có:** Bà **Hồng Thị T** –Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q**; địa chỉ: **Số A P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; có mặt

**Người bị hại:** Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1972; nơi cư trú: **thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K có:** Bà **Nguyễn Thùy D** –Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q**; địa chỉ: **Số A P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; có mặt

**Người làm chứng:**

- Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; vắng mặt
- Ông **Phan Tín Đ**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng trưa ngày 16/5/2023, ông **Phạm Văn K** (sinh năm 1972, ở **thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**) đang nấu cơm dưới gầm cầu **B** (thuộc xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) thì **Phạm Văn N** (sinh năm 1994, ở **thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**) đến xin ăn cơm cùng, **N** có mang rượu đến nên cả hai cùng uống rượu với nhau và tối cùng ngủ dưới gầm cầu. Đến khoảng 06 giờ ngày 17/5/2023, ngủ dậy thì ông **K** và **N** cùng nhau đi bộ theo hướng đến **xã P, thị xã Đ** để tìm việc làm. Ngút rú ông **K** đến nhà bà **Phạm Thị B** (sinh năm 1984, ở **thôn P, xã P, thị xã Đ**). Khi đến nhà bà **B** thì **N** gặp và hỏi ông **Phan Tín Đ** (sinh năm 1983, chồng bà **B**) có việc gì làm không thì ông **Đ** bảo không có; **N** rú ông **K** ngồi đây uống tí rượu rồi đi tìm việc làm tiếp thì ông **K** đồng ý. **N** và ông **K** ngồi bệt đối diện nhau trên nền sân xi măng nhà bà **B**, **N** lấy ra 02 chai rượu rồi cả hai cùng uống, có rú ông **Đ** cùng uống nhưng ông **Đ** chỉ uống vài ly rồi đi vào nhà. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày thì xảy ra mâu thuẫn, Ngút rót rượu cho ông **K** nhưng ông **K** bảo rót ít, có lúc bảo rót nhiều rồi không uống mà hắt rượu vào mặt **N** và nói “mày rót vậy sao uống”. Ngút bị rượu văng vào mắt làm cay mắt nên tức giận, lấy con dao trong balô để ngay phía bên phải lệch ra phía sau vị trí của **N** đang ngồi (con dao hàng ngày **N** dùng đi làm rẫy); Ngút từ vị trí đang ngồi bệt dưới nền sân xi măng thì đổi tư thế quỳ hai đầu gối, chồm người về phía trước, tay phải cầm dao chém về phía ông **K** theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái rồi từ trên xuống dưới, từ trái qua phải khoảng 03 - 04 cái trúng vào ông **K** gây thương tích ở các vị trí sau: vùng đỉnh đầu có 02 vết thương: 01 vết thương rách da và 01 vết xây xát da sưng phù nề; 01 vết thương rách da đứt bao gân cơ ở mặt trước cẳng chân trái làm gãy 1/3 giữa xương chày trái, gãy 1/3 trên xương mác trái; 01 vết xây xát da trên mu bàn chân trái; 01 vết rách da ở ngón I bàn chân phải làm mẻ vỏ xương đốt 1 ngón I bàn chân phải; 01 vết xây xát da ở mặt trước cẳng chân phải. Sau khi dừng lại, **N** dụi mắt cho hết cay, lúc này **N** mới thấy ông **K** bị thương chảy nhiều máu nên **N** lấy áo của mình lau máu cho ông **K**, lấy lá đập và dùng áo băng bó vết thương cho ông **K**. Sau đó, ông **K** được đưa đi cấp cứu và điều trị tại **Bệnh viện Đ2**.

\* Về giám định thương tích:

Ngày 29/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định thương tích của ông Phạm Văn K. Kết quả giám định xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn K như sau:

- Sẹo vùng đỉnh sau, kích thước trung bình: 02%;
- 06 sẹo kích thước nhỏ, mỗi sẹo: 01%;
- Gãy 1/3 giữa xương chày chân trái: 16%;
- Gãy 1/3 trên xương mác trái: 05%;
- Mẻ xương đốt 1, ngón I bàn chân phải: 01%.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn K tại thời điểm giám định là: 27% (hai mươi bảy phần trăm).

Tại bản cáo trạng số: 52/ CT - VKS ngày 27/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố Phạm Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 24 đến 30 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 59,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại có một cạnh sắc dài 29cm, có mũi nhọn, cán dao là một ống kim loại dài 30,5cm được hàn vào phần lưỡi dao.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận các mức bồi thường như sau:

Chi phí thiệt hại, tổn thất về thể chất, tinh thần: 20 tháng lương cơ sở:  $1.800.000\text{đồng} \times 20\text{ tháng} \times 70\% = 25.200.000\text{đồng}$ . (người bị hại có phần lỗi)

Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian nằm viện: vì ông K không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế của mình, ông K sinh sống và làm việc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, áp dụng mức lương tối thiểu vùng IV theo Điều 3 Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ để quyết định mức bồi thường cho ông K, cụ thể là  $3.250.000\text{đồng}/\text{tháng}$  ( $125.000\text{ đồng}/\text{ngày}$ ) là  $10\text{ ngày} \times 125.000\text{ đồng}/\text{ngày} = 1.250.000\text{đồng}$ .

Chi phí nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe: theo biên bản làm việc ngày 25/9/2023 với Bệnh viện Đ2 thì sau khi xuất viện ông K không đến tái khám theo lời dặn và lịch hẹn của bác sĩ, với những vết thương lúc vào viện ngày 17/5/2023 thì sau 2,5 tháng ông K có thể lao động bình thường được. Do đó, chỉ đồng ý mức bồi thường chi phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho ông K trong thời gian 2,5 tháng là 75

ngày x 125.000 đồng/ngày = 9.375.000 đồng.

Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian nằm viện là 10 ngày x 125.000 đồng/ngày: 1.250.000 đồng.

Tổng cộng: 37.075.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn tiền án phí. Nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử bị cáo với mức án 24 tháng tù. Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức bồi thường tổn thất về tinh thần là 10 đến 15 tháng lương cơ sở; về ngày công thu nhập bị mất đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lương tối thiểu vùng để tính thu nhập bị mất của ông **K** trong 10 ngày điều trị tại bệnh viện là 125.000 đồng/ngày (vì ông **K** không có cung cấp tài liệu chứng minh mức thu nhập của mình tại địa phương); về mất thu nhập trong thời gian nghỉ dưỡng đề áp dụng mức thu nhập 125.000đồng/ngày trong thời gian 2,5 tháng; về thu nhập bị mất của người chăm sóc ông **K** trong 10 ngày điều trị tại bệnh viện là 125.000 đồng/ngày

Trong vụ án trên bản thân bị hại **Phạm Văn K** cũng có một phần lỗi do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về dân sự đối với các khoản chi phí theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại **Phạm Văn K**.

Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự đối với bị cáo **Phạm Văn N**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận các khoản chi phí theo yêu cầu của bị hại **Phạm Văn K** và buộc bị cáo **Phạm Văn N** phải bồi thường số tiền 85.000.000 đồng cho bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khai nhận vào khoảng 08 giờ 45 phút ngày 16/5/2023 do mâu thuẫn nhau trong quá trình uống rượu nên bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho anh Phạm Văn K. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận thương tích của Phạm Văn K là do bị cáo gây ra.

[3] Hành vi của bị cáo Phạm Văn N đã sử dụng hung khí nguy hiểm là con dao tự chế gây thương tích cho ông Phạm Văn K với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 27%, trong đó có vết thương vùng đỉnh đầu (là vùng trọng yếu của cơ thể). Tuy nhiên, tại thời điểm gây thương tích cho ông K thì N bị ông K hắt rượu vào mặt làm cay mắt không nhìn thấy rõ, ý thức của N là chém ông K cho hả giận chứ không có chủ ý chém vào vị trí cụ thể nào trên cơ thể của ông K; đồng thời, sau khi chém ông K xong, N dụi mắt cho hết cay, nhìn thấy ông K bị thương chảy nhiều máu thì N đã lấy áo của mình lau máu, đắp lá, băng bó vết thương cho ông K. Kết quả làm việc với bác sỹ tại Bệnh viện Đ2, thị xã Đ xác định những vết thương trên cơ thể ông K nếu không cấp cứu kịp thời thì không có nguy hiểm gì đến tính mạng. Do đó, Phạm Văn N không cố ý tước đoạt tính mạng của ông Phạm Văn K, hành vi của Phạm Văn N phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Nên hành vi của bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thừa hiểu được rằng sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, không ai được quyền xâm phạm một cách trái pháp luật. Nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra

khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khi báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội. Ngoài ra vụ việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại. Nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu bồi thường của **Phạm Văn K** đề nghị Hội đồng xét xử bồi thường tổng cộng các khoản chi phí điều trị, chi phí đi lại, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, mất thu nhập của bị hại và người chăm sóc, mất thu nhập trong thời gian dưỡng bệnh, bù đắp tổn thất tinh thần với tổng số tiền 85.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét xử căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại các khoản:

- Đối với chi phí điều trị: Do người bị hại là hộ nghèo và người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bảo hiểm y tế chi trả nên không xét.

- Tiền xe đến Bệnh viện **Đặng Thùy T1** và ngược lại về nhà: 2.000.000 đồng

- Tiền tổn thất tinh thần 36.000.000 đồng (tương đương 20 tháng lương cơ sở)

- Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 10.000.000 đồng

- Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian nằm viện: vì ông **K** không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế của mình, ông **K** sinh sống và làm việc ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, áp dụng mức lương tối thiểu vùng IV theo Điều 3 Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ để quyết định mức bồi thường cho ông **K**, cụ thể là 3.250.000 đồng/tháng (125.000 đồng/ngày) là 10 ngày x 125.000 đồng/ngày = 1.250.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của người bị hại: Bị hại yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập 4 tháng sau khi xuất viện với số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng theo vết thương mà bị cáo gây ra cho người bị hại ở cẳng chân trái, gãy xương chày trái, gãy xương mác trái. Nên cần một khoảng thời gian để hồi phục. Theo bác sĩ điều trị thì thương tích của **Phạm Văn K** sẽ tự lao động sau thời gian 2,5 tháng. Vì vậy việc ông **K** yêu cầu mất thu nhập trong thời gian 04 tháng là không có căn cứ chấp nhận. Ông **Phạm Văn K** không chứng minh thu nhập thực tế của mình bị mất nên căn cứ vào mức thu nhập vùng để tính mất thu nhập cho người bị hại là 2,5 tháng x 125.000 đồng/ngày = 9.375.000 đồng

- Tiền công người chăm sóc: 10 ngày x 125.000 đồng/ngày = 1.250.000 đồng

Tổng số tiền là 59.875.000 đồng

Tuy nhiên trong vụ án này có một phần lỗi của người bị hại nên bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 70% số tiền bồi thường. Vì vậy số tiền bị cáo bồi thường cho người bị hại là 59.875.000đồng x 70%= 41.912.500 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao dài 59,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, cán dao bằng kim loại, ống hình trụ, được hàn với phần lưỡi dao dài 30,5cm được bọc giấy dán kín, trên giấy có hình dấu của Phân viện khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng và chữ ký của **Lê Văn Đ1**, **Huỳnh Vũ Hoàng A**

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/ 016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo là hộ nghèo có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí hình sự và dân sự cho bị cáo.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn N** phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn N** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Phạm Văn N** phải bồi thường cho người bị hại **Phạm Văn K** số tiền 41.912.500 đồng (Bốn mươi một triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao dài 59,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, cán dao bằng kim loại, ống hình trụ, được hàn với phần lưỡi dao dài 30,5cm được bọc giấy dán kín, trên giấy có hình dấu của Phân viện

khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng và chữ ký của **Lê Văn Đ1**, **Huỳnh Vũ Hoàng A**. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2023 giữa Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ và **Công an thị xã Đ**, tỉnh Quảng Ngãi

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự và dân sự cho bị cáo **Phạm Văn N**.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Phạm Văn N** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **Phạm Văn K** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT Công an TX.Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an TX.Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- Nhà tạm giữ Công an TX.Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Minh Kha**